TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀNG ĐỊNH** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST
Ngày 15-6-2022
V/v Ly hôn, tranh chấp con chung khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀNG ĐỊNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Văn Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nông Thị Hồng Thắm

Bà Hoàng Thị Chiểu

***-Thư ký phiên toà*:** Bà Bế Thị Kiều - Thư ký, Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà*:** Ông Phạm Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2022 tại Toà án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022 về việc xin ly hôn, tranh chấp con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30 tháng 5 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Tràng Định giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nông Thị M, sinh năm 1992; nơi ĐKHKTT: Thôn B, xã H, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở hiện nay: Thôn H1, xã B2, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Hoàng Văn H2, sinh năm 1990; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn B, xã H, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 10/3/2022, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Nông Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn, chị M và anh Hoàng Văn H2 có được tự do tìm hiểu yêu nhau, tự nguyện đến với nhau không bị ai ép buộc và cưới xin theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban

nhân dân xã B2, huyện V, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 15/03/2010. Trong quá trình chung sống, mới đầu cả hai vợ chồng cũng hòa hợp nhưng về sau vợ chồng tôi bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống, không thấu hiểu, chia sẻ, cảm thông cho nhau, anh Hoàng Văn H2 nhiều lần đi uống rượu say bỏ bê gia đình con cái, mặc dù chị M đã nhiều lần khuyên giải nhưng anh H2 không thay đổi dẫn đến gia đình thường xuyên mâu thuẫn. Đến ngày 16/12/2021 âm lịch chị Nông Thị M đã mang con nhỏ bỏ về nhà ngoại sinh sống. Từ đó anh, chị ly thân cho đến nay. Chị Nông Thị M xác định tình cảm không thể hòa hợp, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin được ly hôn với anh Hoàng Văn H2. Về con chung, chị Nông Thị M và anh Hoàng Văn H2 có 02 con chung là cháu Hoàng Thu D, sinh ngày 03/5/2011 và cháu Hoàng Mai A sinh ngày 25/4/2016. Khi ly hôn chị M yêu cầu mỗi người nuôi một con: Chị M nuôi dưỡng và chăm sóc Hoàng Mai A còn anh Hoàng Văn H2 nuôi dưỡng và chăm sóc Hoàng Thu D đến khi cháu đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.Về tài sản chung, các khoản nợ chung chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Hoàng Văn H2 trình bày**:** về quan hệ hôn nhân giữa anh H2 và chị M thì đúng như chị Nông Thị M đã trình bày, anh H2 cho rằng mâu thuẫn giữa hai vợ chồng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ vẫn có thể hòa hợp được nên không đồng ý ly hôn. Anh H2 xác nhận vào tối ngày 15/12/2021 (âm lịch), vợ chồng cãi nhau, sáng hôm sau chị M mang con nhỏ bỏ về nhà ngoại sinh sống, từ đó vợ chồng cũng ly thân cho đến nay. Nếu phải ly hôn anh H2 nhất trí yêu cầu của chị Nông Thị M về việc chăm sóc, giáo dục, cấp dưỡng con chung khi ly hôn.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án đã xác định đúng thẩm quyền, đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, đúng quan hệ pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm được quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cùng tài liệu chứng cứ được công khai tại phiên tòa xét thấy: Về quan hệ hôn nhân: Xác định mâu thuẫn giữa chị Nông Thị M và anh Hoàng Văn H2 là trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do vậy yêu cầu xin ly hôn của chị Nông Thị M là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận; về con chung đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Anh Hoàng Văn H2 được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Thu D; chị Nông Thị M được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Mai A đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và các khoản nợ chung không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quyền khởi kiện: Chị Nông Thị M và anh Hoàng Văn H2 quen biết nhau, sau một thời gian tìm hiểu, hai bên tự nguyện tiến tới hôn nhân và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán tại địa phương có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hiện anh Hoàng Văn H2 là bị đơn trong vụ án vẫn cư trú tại thôn B, xã H, huyện T, do đó, chị Nông Thị M có quyền yêu cầu ly hôn anh Hoàng Văn H2 là đúng theo quy định tại Điều 51 của Luật Hôn nhân gia đình và Điều 186 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn: Theo như lời khai của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày hôm nay, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy chị Nông Thị M và anh Hoàng Văn H2 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc hay bị lừa dối, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống giữa anh, chị xảy ra nhiều mâu thuẫn và đã ly thân từ tngày 16/12/2021 (âm lịch) cho đến nay. Hội đồng xét xử nhận thấy chị Nông Thị M và anh Hoàng Văn H2 không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, tình cảm vợ chồng giữa anh chị thực sự đã hết do vậy yêu cầu xin ly hôn của chị Nông Thị M được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án chị Nông Thị M và anh Hoàng Văn H2 tự nguyện thỏa thuận về việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung sau khi ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy việc thỏa thuận này là tự nguyện không vi phạm điều cấm của luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung do các đương sự không yêu cầu do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án thì chị Nông Thị M phải chịu án phí sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146; khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu,

miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án; Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nông Thị M được ly hôn với anh Hoàng Văn H2.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Nông Thị M và anh Hoàng Văn H2. Anh Hoàng Văn H2 được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Thu D sinh ngày 03/5/2011; chị Nông Thị M được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Mai A 25/4/2016 đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Các đương sự được quyền đi lại, thăm nom con chung mình không trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nông Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đểsung quỹ Nhà nước. Chị Nông Thị M đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0006303 ngày 21 tháng 4 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Tràng Định; tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã Băc La, huyện Văn Lãng; tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Bình